

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2021/HS-ST

Ngày: 30/11/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Tinh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đào Văn Hiến** – Ông **Lê Văn Vững**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Ông **Trần Xuân Hải** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án hình sự ra xét xử số: 60/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Tòa án huyện Tháp Mười, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn L**; Tên gọi khác: Cu L; Giới tính: Nam; Sinh ngày 07/5/1995; Nơi sinh: Đồng Tháp; Hộ khẩu thường trú: Khóm 3, phường An Thạnh, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở: Khóm An Lợi, phường An Bình A, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 2/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1971 (còn sống) và bà Phạm Thị T, sinh năm 1975 (còn sống); Vợ tên: Trần Thị Q, sinh năm 1990 (sống chung với nhau như vợ chồng nhưng chưa đăng ký kết hôn); Con: Chưa có; Tiền án: Tại Bản án số 290/2014/HSPT ngày 23/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp tuyên phạt Nguyễn Văn L 05 năm 06 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*” theo Khoản 1 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt tù và các quyết định khác của bản án ngày 16/3/2019, chưa được xóa án tích; Nhân thân: + Tại Bản án số 20/2011/HSST ngày 15/9/2011 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tuyên phạt 01 năm 6 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*” theo Khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/10/2012. Đối với Bản án này, thời điểm phạm tội bị cáo mới 15 tuổi 10 tháng 22 ngày nên căn cứ điểm a, Khoản 1 Điều 107 Bộ luật Hình sự được coi là không có án tích. + Ngày 11/5/2020 bị Tòa án huyện Tháp Mười ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt

buộc tại cơ sở điều trị nghiện tỉnh Đồng Tháp, thời hạn là 12 tháng kể từ ngày 27/3/2020. Đến ngày 14/5/2020 thì bị cáo bỏ trốn khỏi cơ sở điều trị nghiện tỉnh Đồng Tháp; Tạm giữ ngày 03/6/2021; Tạm giam ngày 06/6/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tháp Mười. *(bị cáo mặt tại phiên tòa)*

*** Bị hại:**

1. **Ngô Thị Th**, sinh năm 1969. *(vắng mặt)*

2. **Lê Văn H**, sinh năm 1970. *(vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Ấp Mỹ Phú Hạ, xã Phú Thọ, huyện Phú Tân, An Giang.

*** Người làm chứng:**

1. **Lâm Văn T**, sinh năm 1996. *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp Lợi A, xã An Thành A, Tp. Hồng Ngự.

2. **Đào Thị Mộng Tr**, sinh năm 1996. *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp An Thanh, phường An Thanh, Tp. Hồng Ngự.

3. **Trần Thanh T**, sinh năm 1993. *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp 5B, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười.

4. **Phan Văn T**, sinh năm 1987. *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp 5B, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 02 giờ ngày 26/3/2020, trong lúc ngồi uống cà phê tại khu vực Công viên thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Nguyễn Văn L rủ Lâm Văn T, Nguyễn Văn B đi tìm gà để trộm bán lấy tiền tiêu xài thì T và B đồng ý. Đến khoảng 03 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển số 66H8-7102 chở L, B điều khiển xe mô tô không rõ biển số chạy một mình, đi dọc tuyến đường từ thành phố Hồng Ngự qua địa bàn huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An nhưng không tìm thấy tài sản để trộm. Khi gần đến địa bàn huyện Tháp Mười, L và T khai không thấy Bành đầu, cả hai nghĩ B đã bỏ về nên L rủ T giật tài sản của người đi đường thì T đồng ý. Đến khoảng 07 giờ ngày 26/3/2020, khi T điều khiển xe đến đoạn đường thuộc ấp 5B, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, thì L ngồi sau phát hiện ông Lê Văn H điều khiển xe mô tô biển số 67K1-283.17 chở vợ là bà Ngô Thị Th ngồi sau. Hai tay bà Th đang ôm một túi xách có hai quai cầm màu cam, bên trong túi xách có 05 triệu đồng tiền mặt và một sợi dây chuyền bằng vàng 18kara, trọng L 3,856 chỉ. L rủ Trí giật túi xách của bà Th thì Trí đồng ý. L kêu T dừng xe lại để đổi người lái. L điều khiển xe chở Trí chạy áp sát phía bên trái xe của ông H. T ngồi sau giật túi xách bà Th đang để phía trước người rồi L

nhANH chóng tăng ga xe bỏ chạy. Do bà Th giữ chặt túi xách nên T không giật được túi xách mà chỉ giật đứt một bên quai túi xách. Xe mô tô do ông H điều khiển bị mất thăng bằng ngã về bên phải, làm hai người bị té xuống đường, xây xát nhẹ, xe bị trầy xước bên ngoài. Lúc này, anh Phan Văn T, sinh năm 1987, ngụ ấp 5B, xã Trường Xuân đang chạy ngược chiều chứng kiến sự việc nên truy hô, L điều khiển xe chở T bỏ chạy. Anh T gọi điện thoại báo Công an xã Trường Xuân để tổ chức truy đuổi. Khi thấy lực L Công an truy đuổi, L điều khiển xe chở T bỏ chạy, T ngồi sau sử dụng nạng ná bắn viên bi làm bằng thủy tinh để chống trả, nhưng không gây thương tích cho ai. Khi L và T chạy đến ấp 5, xã Thạnh Lợi, huyện Tháp Mười thì bị Công an xã Trường Xuân bắt giữ. Đối với ông H, bà Th, sau khi bị giật tài sản, người bị xây xát nhẹ, túi xách đựng tiền và dây chuyền vàng chỉ bị đứt quai xách nên ông H, bà Th tiếp tục đi về nhà ở ấp Mỹ Hạ, xã Phú Thọ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Đến ngày 29/3/2020, ông H, bà Th đến Công an xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười trình báo sự việc.

Bản kết luận định giá số 28/KLĐG ngày 12/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Công an huyện Tháp Mười kết luận: Sợi dây chuyền bằng vàng 18kara trọng L 3,856 chỉ có trị giá 11.760.800 đồng; túi xách nữ loại có quai màu cam, thân túi màu chàm bi trị giá 100.000 đồng. Tổng tài sản gồm túi xách, dây chuyền vàng, tiền mặt mà L cùng đồng phạm chiếm đoạt của bị hại là 16.860.800 đồng.

Đối với Nguyễn Văn L, sau khi bị bắt, do không làm việc được với bị hại nên Công an xã Trường Xuân lập hồ sơ đưa vào Cơ sở điều trị nghiện tỉnh Đồng Tháp. Ngày 14/5/2020, L đã bỏ trốn khỏi Cơ sở điều trị nghiện. Ngày 08/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tháp Mười đã khởi tố Nguyễn Văn L về tội “*Cướp giật tài sản*” và ra quyết định truy nã bị can. Đến ngày 03/6/2021 L bị bắt theo quyết định truy nã tại ấp 4, xã An Hòa, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. L khai trong thời gian trốn truy nã không phạm tội mới.

Về nguyên nhân phạm tội: Xuất phát từ việc muốn có tiền tiêu xài, mà không phải bỏ công sức lao động, L cùng Lâm Văn T đã cùng nhau giật tài sản của ông H và bà Th.

Đối với hành vi phạm tội của Lâm Văn T đã được xử lý bằng Bản án số 33/2021/HS-ST ngày 16/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Về phân trách nhiệm dân sự, bị hại không yêu cầu bồi thường, vật chứng là tài sản của bị hại, tài sản của Lâm Văn T đã xử lý xong trong bản án này.

Về vật chứng, Cơ quan điều tra đã thu giữ:

Thu giữ một xe mô tô biển số 66H8-7102 quá trình điều tra xác định biển số xe 66H8-7102 có số khung, số máy khác với số khung, số máy đã thu giữ. Xe mô tô biển số 66H8-7102 là do anh Cao Minh D đứng tên chủ sở hữu, anh D khai tháng 7 năm 2018 bị mất trộm tại nhà ở ấp Gò Bồi, xã Tân Hộ Cơ, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. Cơ quan điều tra đã có văn bản phối hợp với Cơ quan điều tra huyện Tân Hồng phối hợp giải quyết nhưng chưa có văn bản trả lời. Do đó, Cơ quan điều tra đã có văn bản chuyển chiếc xe trên đến Công an

huyện Tháp Mười quản lý.

Thu giữ của L: Một điện thoại Oppo màu đen; một điện thoại Samsung màu xanh; một điện thoại Nokia màu đen; một cây kéo bằng kim loại dài 9cm; một mặt đồng hồ đeo tay, không có dây; một sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng, dài 50cm; một áo khoác màu xanh đỏ; một lưỡi lam có chữ BIC; 13 viên bi tròn bằng thủy tinh; một cờ lê có hai đầu, một đầu 10mm, một đầu 12mm; một cờ lê có hai đầu, một đầu tròn 10mm, một đầu mở 10mm; 01 cây kìm cán bằng nhựa màu xanh, lưỡi bằng kim loại màu xám. Xét thấy, không cần thiết tạm giữ Cơ quan điều tra đã trao trả cho L.

Thu giữ của L tiền Việt Nam 70.000 đồng, Cơ quan điều tra đang tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn L đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của Lâm Văn T, Lê Văn H, Ngô Thị Th, Phan Văn T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 55/CT-VKSTM ngày 19/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười đã truy tố Nguyễn Văn L về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm d, đ, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi là Bộ luật Hình sự).

* Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đồng thời đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Căn cứ Điều 171 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm d, đ, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 38 và khoản 1, khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L với mức án từ 04 đến 05 năm tù giam.

- Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 171 của Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn L số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

- Về xử lý vật chứng, áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Tiếp tục quản lý Tiền Việt Nam 70.000 đồng của bị cáo Nguyễn Văn L để đảm bảo thi hành án.

- Căn cứ Điều 117 của Luật xử lý vi phạm hành chính đề nghị Hội đồng xét xử tuyên miễn chấp hành phần thời gian còn lại trong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 19/2020/QĐ-TA ngày 11/5/2020 của Tòa án huyện Tháp Mười đối với Nguyễn Văn L.

* *Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo L trình bày:* Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như miêu tả trong nội dung Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát, bị cáo thống nhất về tội danh, khung hình phạt, mức hình phạt, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng và điều khoản áp dụng. Bị cáo không tranh luận gì. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã biết hành vi của bị cáo là sai trái, bị cáo rất ăn năn hối cải, bị cáo hứa sẽ không tái phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tháp Mười, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện Tháp Mười, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, mọi hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng:

Bị hại và những người làm chứng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ nhất, không có lý do. Xét thấy, quyền lợi của bị hại đã được giải quyết xong trong Bản án số 33/2021/HS-ST ngày 16/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp và những người làm chứng cũng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Đồng thời, tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát và bị cáo không có ý kiến gì và cùng đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử. Do đó, việc xét xử vắng mặt bị hại và những người làm chứng tại phiên tòa hôm nay là không ảnh hưởng đến quyền lợi của bị hại, không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành phiên tòa xét xử đối với bị cáo Nguyễn Văn L là phù hợp với khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Xét hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn L đã thừa nhận toàn bộ hành vi giống như miêu tả trong nội dung Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát. Cụ thể, bị cáo thừa nhận vào khoảng 07 giờ phút ngày 26/3/2020, bị cáo dùng thủ đoạn nguy hiểm là điều khiển xe mô tô biển số 66H8-7102 chạy áp sát xe mô tô biển số 67K1-283.17 do bị hại Lê Văn H điều khiển chở vợ là bà Ngô Thị Th để Lâm Văn T ngồi phía sau giật túi xách của bà Th, kết quả định giá túi xách và tài sản trong túi xách trị giá 16.860.800 đồng. Tuy nhiên, do bà Th giữ chặt túi xách nên T chỉ giật được 1 bên của quai túi xách. Khi bị lực L Công an phát hiện truy đuổi, T còn có hành vi dùng nạng ná bắn viên bi làm bằng thủy tinh để ngăn cản sự truy đuổi của Công an xã Trường Xuân. Việc bị cáo L cùng đồng phạm không giật được túi xách là do nguyên nhân ngoài ý muốn của bị cáo và đồng phạm. Vụ án xảy ra tại ấp 5B,

xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Riêng, bản thân của bị cáo có một tiền án tại Bản án số 290/2014/HSPT ngày 23/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn L 05 năm 06 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*” theo Khoản 1 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt tù và các quyết định khác của bản án vào ngày 16/3/2019, bị cáo chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng nên thuộc trường hợp định khung là tái phạm nguy hiểm.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, của người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử kết luận hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn L đã đủ yếu tố đã cấu thành tội “*Cướp giật tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d, đ, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự, quy định như sau:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

.....

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;

đ) Hành hung để tẩu thoát;

.....

i) Tái phạm nguy hiểm.

.....”

[4] Xét thấy, bản thân của bị cáo có nhân thân xấu, năm 2011 bị Tòa án huyện Hồng Ngự xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”, đã chấp hành xong, đến năm 2014 bị Tòa án tỉnh Đồng Tháp xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*” đã chấp hành xong, nhưng chưa được xóa án tích. Đáng lý ra, sau khi chấp hành xong các bản án nêu trên thì bị cáo phải biết chí thú làm ăn, lao động chân chính để tạo ra của cải vật chất để lo cho bản thân và gia đình. Nhưng ngược lại, xuất phát từ việc xem thường pháp luật, muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không phải bỏ công sức lao động như bao người khác nên bị cáo đã rủ Lâm Văn T thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người khác. Hậu bị cáo và T đã giật túi xách của bà Th, kết quả định giá túi xách và tài sản trong túi xách trị giá 16.860.800 đồng và bị bắt ngay sau đó. Hành vi của bị cáo là cố ý trực tiếp, tuy bị cáo và đồng phạm không chiếm đoạt được tài sản của bị hại nhưng việc này là ngoài ý muốn khách quan của bị cáo và đồng phạm nên thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt và bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt theo quy định tại Điều 15 và Điều 57 của Bộ luật Hình sự. Đồng thời, trong vụ án này bị cáo giữ vai trò chính là rủ rê Lâm Văn T thực

hiện hành vi phạm tội và là người trực tiếp điều khiển xe mô tô để cho T ngồi phía sau giật tài sản của bị hại. Do đó, cần có một mức hình phạt cho tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chẳng những xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác, mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương nơi xảy ra vụ án. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là cần thiết, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để bị cáo có điều kiện học tập, cải tạo trở thành người tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội. Đồng thời, nhằm góp phần phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 171 của Bộ luật hình sự:

Phạt bị cáo Nguyễn Văn L số tiền 10.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

[9] Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tiếp tục quản lý Tiền Việt Nam 70.000 đồng của bị cáo Nguyễn Văn L để đảm bảo thi hành án.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì nên không đặt vấn đề giải quyết.

[11] Đối với thời gian chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại tại cơ sở Điều trị nghiện tỉnh Đồng Tháp theo Quyết định số 19/2020/QĐ-TA ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười đối với bị cáo. Xét thấy, cần miễn hết thời gian chấp hành còn lại cho bị cáo là phù hợp Điều 117 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

[12] Đối với hành vi phạm tội của Lâm Văn T đã được xử lý bằng Bản án số 33/2021/HS-ST ngày 16/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười. Về vật chứng là tài sản của bị hại, tài sản của Lâm Văn T đã xử lý xong trong bản án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[13] Đối với xe mô tô biển số 66H8-7102 quá trình điều tra xác định biển số xe 66H8-7102 có số khung, số máy khác với số khung, số máy đã thu giữ. Xe mô tô biển số 66H8-7102 là do anh Cao Minh D đứng tên chủ sở hữu, anh D khai tháng 7 năm 2018 bị mất trộm tại nhà ở ấp Gò Bồi, xã Tân Hộ Cơ, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. Cơ quan điều tra đã có văn bản phối hợp với Cơ quan điều tra huyện Tân Hồng phối hợp giải quyết nhưng chưa có văn bản trả lời. Do đó, Cơ quan điều tra đã có văn bản chuyển chiếc xe trên đến Công

an huyện Tháp Mười quản lý tiếp tục điều tra để xử lý theo quy định pháp luật là phù hợp.

[14] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[15] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười là có căn cứ và phù hợp nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn L** phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

2. **Xử phạt:** Áp dụng điểm d, đ, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 38 và Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn L** 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 03/6/2021.

3. **Về hình phạt bổ sung:** Áp dụng khoản 5 Điều 171 của Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Nguyễn Văn L số tiền 10.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

4. **Về trách nhiệm dân sự:** Đã xử lý xong nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

5. **Xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tiếp tục quản lý Tiền Việt Nam 70.000 đồng của bị cáo Nguyễn Văn L để đảm bảo thi hành án.

(Hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười đang tạm quản lý)

6. Áp dụng Điều 117 của Luật xử lý vi phạm hành chính:

Miễn hết thời gian chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại tại cơ sở Điều trị nghiện tỉnh Đồng Tháp theo Quyết định số 19/2020/QĐ-TA ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười đối với bị cáo Nguyễn Văn L.

7. **Về án phí:** Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

8. **Về quyền kháng cáo:**

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời

hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- CA huyện Tháp Mười;
- THADS huyện Tháp Mười;
- Cơ sở Điều trị nghiện tỉnh ĐT;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VPTA & hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Tinh